TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HS-ST
Ngày: 15/01/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thìn

Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 509/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HS ngày 03/01/2019 đối với bị cáo:

Lê Văn H, Sinh ngày 04 tháng 02 năm 1996, tại Đồng Nai; tên gọi khác: không; Nơi cư trú: 207, ấp 1B, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): không; Trình độ học vấn: 7/12; Họ và tên cha: Lê Văn D, sinh năm 1964 (còn sống); Họ và tên mẹ: Trần Thị B, sinh năm 1965 (còn sống); Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con út; Bị can chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 21/9/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Tiền sự: không; Bị can Lê Văn H bị tạm giữ từ ngày 20 tháng 9 năm 2018 và chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 490 ngày 29 tháng 9 năm 2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B. Có mặt.

* Người bị hại: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996

Trú tại: khu phố T, phường C, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài, vào khoảng 18 giờ ngày 20 tháng 9 năm 2018, Lê Văn H chủ động đi đến khu vực ấp 4, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để trộm cắp tài sản thì phát hiện phía trước cổng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nội thất K có dựng một số xe mô tô, không có người trông coi

nên H đã lén lút đi vào dắt trộm 01 chiếc xe môtô hiệu Sirius biển số 68G-156.55 của chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1973, ngụ tại xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang) ra ngoài đường rồi đẩy bộ đi về hướng thị xã D, tỉnh Bình Dương được khoảng 800m. Lúc này chị H phát hiện bị mất xe nên truy hô và được các anh Thạch Quy B (sinh năm 1982, ngụ tại phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương) và anh Võ Văn C (sinh năm 1995, ngụ tại phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương) là những người làm chung với chị H chạy ra đường tìm kiếm thì phát hiện được H đang dắt xe của chị H đi trên đường nên đã giữ lại và trình báo Công an xã T lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra, xử lý.

Trong quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội theo như nội dung cáo trạng mô tả. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 339/TCKH - HĐĐG ngày 05 tháng 10 năm 2018, của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận: "01 chiếc xe môtô hiệu Sirius biển số 68G - 156.55, có số khung 061937 và số máy 061994, đã qua sử dụng, chất lượng còn lại 50%, trị giá 11.595.000 đồng (Mười một triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng)".

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 chiếc xe môtô hiệu Sirius biển số 68G - 156.55, có số khung 061937 và số máy 061994; 01 Chứng minh nhân dân và 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển số 68G - 156.55, đều mang tên Nguyễn Thị H; 01 Chứng minh nhân dân và 01 Giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Nguyễn P (là chồng của chị H). Tài sản trên là của chị H nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H.

Về dân sự: Người bị hại chị Nguyễn Thị H không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 536/CT-VKSBH ngày 30/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Lê Văn H về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo H mức án từ 14 đến 16 tháng tù giam.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người tham gia tố tụng khác và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến

hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn H đã khai nhận: khoảng 18 giờ ngày 20 tháng 9 năm 2018, bị cáo H chủ động đi đến khu vực ấp 4, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để trộm cắp tài sản thì phát hiện phía trước cổng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nội thất K có dựng một số xe mô tô, không có người trông coi nên H đã lén lút đi vào dắt trộm 01 chiếc xe môtô hiệu Sirius biển số 68G-156.55 của chị Nguyễn Thị H ra ngoài đường rồi đẩy bộ đi về hướng thị xã D, tỉnh Bình Dương được khoảng 800m. Lúc này chị H phát hiện bị mất xe nên truy hô và được các anh Thạch Quy B và anh Võ Văn C là những người làm chung với chị H chạy ra đường tìm kiếm thì phát hiện được H đang dắt xe của chị H đi trên đường nên đã giữ lại và trình báo Công an xã T lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra, xử lý. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời khai người bị hại; người làm chứng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như nội dung bản cáo trạng số 536/CT-VKSBH ngày 30/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo là người trưởng thành, có nhận thức, có khả năng lao động nuôi sống bản thân. Bị cáo đã có 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần thiết xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc nhằm nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo H phải chịu tình tiết tăng nặng "Tái phạm" (quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự);

Về tình tiết giảm nhẹ: Khi lượng hình phạt đối với bị cáo, xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại nên gây thiệt hại không lớn (quy định tại các điểm h và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự). Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt khi lượng hình.

Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ và lời khai tại phiên tòa của bị cáo cho thấy bị cáo không có thu nhập và không có tài sản nào khác. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chị H không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc xe môtô hiệu Sirius biển số 68G-156.55, có số khung 061937 và số máy 061994; 01 Chứng minh nhân dân và 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển số 68G-156.55, đều mang tên Nguyễn Thị H; 01 Chứng minh nhân dân và 01 Giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Nguyễn P (là chồng của chị H). Tài sản trên là của chị H nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H là phù hợp.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Lê Văn H** phạm tội **"Trộm cắp tài sản"**.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lê Văn H: **14 (Mười bốn) tháng tù giam**. Thời hạn tù được tính từ ngày 20/9/2018.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B (2);
- Công an TP.B (2);
- Thi hành án hình sự (5);
- Bị cáo, đương sự (3);
- Lưu VP - Hồ sơ vụ án (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hoàng Phương